

K6 P. Trần Văn Thông & TTTS

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày 17 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2024 (Đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP, ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 4630/QĐ-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 của Trường Đại học Tây Nguyên (chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

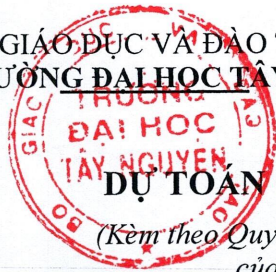
Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng;
- TT Thông tin (đăng Website Trường);
- Lưu :VT, KHTC.



TS. Nguyễn Thanh Trúc



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số ~~106~~/QĐ-ĐHTN, ngày 17 tháng 01 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
	Dự toán chi ngân sách Nhà nước	108.086,0
1	Chi sự nghiệp Giáo dục, Đào tạo và Dạy nghề	105.777,0
1.1	Dự toán chi thường xuyên (Đã bao gồm kinh phí thực hiện mức tiền lương cơ sở 1,8 trđ/tháng)	38.025,0
1.2	Kinh phí không thường xuyên	24.855,0
	- Kinh phí cấp bù học phí, sinh hoạt phí sư phạm	60.572,0
	- Chi chế độ chính sách cho người học (miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg; Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg; Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg; Nghị định 57/2017/NĐ-CP; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg; Thông tư liên tịch số 42/2023/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC và các chế độ khác nếu có; không bao gồm kinh phí theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP)	6.630,0
	- Kinh phí đề án dạy học Ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo quyết định số 2080/QĐ-TTg	550,0
2	Chi sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	2.309,0
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Khoa học công nghệ	2.309,0

thm